

BÁO CÁO PHÁT TRIỂN THẾ GIỚI 2006. CÔNG BẰNG VÀ PHÁT TRIỂN

NGÂN HÀNG THẾ GIỚI . Báo cáo Phát triển
thế giới 2006. Công bằng và Phát triển.- Văn
hóa-Thông tin. H., 2005, 444 tr.

DIỆU ANH
lược thuật

Báo cáo Phát triển thế giới 2006 ghi nhận sự tồn tại dai dẳng của tình trạng bất bình đẳng, đặc biệt là bất bình đẳng về cơ hội; trình bày các bằng chứng cho thấy sự bất bình đẳng về cơ hội đang diễn ra hiện nay trên thế giới là một sự lãng phí và làm phương hại đến phát triển bền vững, trong đó có nhiệm vụ xóa đói giảm nghèo. Báo cáo cũng rút ra những ý nghĩa chính sách xoay quanh một khái niệm rộng hơn về việc tạo sân chơi bình đẳng về mặt chính trị và kinh tế, cả trong nước và trên trường quốc tế. Báo cáo gồm 3 phần:
-Phần I xem xét các bằng chứng về sự bất bình đẳng về cơ hội, trong nội bộ từng nước và giữa các nước
-Phần II trả lời câu hỏi vì sao sự bất bình đẳng lại quan trọng đến thế. Phần này bàn đến hai kênh tác động (của cơ hội bất bình đẳng trong điều kiện thị trường không hoàn hảo và hậu quả của sự bất bình đẳng đến chất lượng các thể chế mà một xã hội tạo ra)
-Phần III bàn về câu hỏi các hành động của Nhà nước có thể tạo sân chơi bình đẳng về chính trị và kinh tế như thế nào. Dưới đây là những nội dung của bản Báo cáo.

T rước khi đi vào những nội dung chính, bản Báo cáo đã dành hẳn một chương (chương 1) để trình bày cho các định nghĩa được sử dụng trong Báo cáo. Đó là các định nghĩa về công bằng, và sơ bộ bàn đến cấu thành cơ bản của nó - đó là bất bình đẳng về cơ hội. Tiếp theo, bản Báo cáo giới thiệu một khái

niệm khác phản ánh những quan niệm thực chứng chủ yếu được sử dụng trong Báo cáo "bẫy bất bình đẳng".

Xung quanh khái niệm *Công bằng*, Báo cáo cho rằng, công bằng là một khái niệm khó và có nhiều cách giải thích khác nhau tùy theo từng quốc gia và

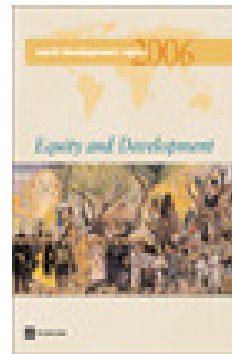
từng chuyên ngành học thuật. Công bằng cũng là trung tâm của những tôn giáo vĩ đại trên thế giới và gần đây hơn, lý thuyết về sự lựa chọn xã hội, và một lĩnh vực có quan hệ gần gũi là kinh tế học phúc lợi, cũng quan tâm đến việc tổng hợp các lựa chọn cá nhân theo một cách nào đó để đạt “tối ưu xã hội”. Trong Báo cáo này, các tác giả không gộp chung tất cả các cách mô tả với nhiều sắc thái riêng biệt đó mà định nghĩa công bằng theo hai nguyên tắc cơ bản sau:

- Cơ hội công bằng;
- Tránh sự cùng khổ tuyệt đối.

Đề cập đến công bằng, các tác giả cho rằng, các cá nhân cần có cơ hội như nhau để theo đuổi cuộc sống như họ đã chọn và phải tránh được những kết cục cùng khổ. Thông điệp chính là xét về một số khía cạnh cơ bản, công bằng là sự bổ sung cho việc theo đuổi thịnh vượng lâu bền. Các thể chế và chính sách tăng cường một sân chơi bình đẳng trong đó tất cả các thành viên xã hội đều có cơ hội như nhau để trở thành những tác nhân tích cực về mặt xã hội, có ảnh hưởng về mặt chính trị và có năng suất cao về mặt kinh tế - đều sẽ góp phần vào tăng trưởng và phát triển bền vững. Vì vậy, công bằng mang lại hai lợi ích đồng thời cho xóa đói giảm nghèo: thông qua những hiệu ứng có lợi tiềm tàng cho sự phát triển tổng thể dài hạn và thông qua việc tạo ra nhiều cơ hội hơn cho những nhóm nghèo trong mọi xã hội.

Phân tích tính chất bổ sung cho nhau giữa công bằng và thịnh vượng, các tác giả cho rằng, nó được xuất phát

từ hai hệ nguyên nhân chung. Thứ nhất phụ thuộc vào những thất bại thị trường ở các nước đang phát triển, nhất là thị trường tín dụng, bảo hiểm, đất đai và vốn con người. Thị trường OECD cấm của các nhà sản xuất nông sản và hàng dệt may hiệu quả ở các nước đang phát triển cũng góp phần làm trầm trọng thêm tình hình và những lao động nghèo phổ thông có rất ít cơ hội để được làm việc tại nước giàu hơn.



Khi thị trường không tồn tại hoặc không hoàn hảo, sự phân phối của cải và quyền lực gây ảnh hưởng đến sự phân bổ các cơ hội đầu tư. Khắc phục các khiếm khuyết của thị trường là một cách

giải quyết lý tưởng; nhưng khi cách đó không khả thi hoặc quá tốn kém thì một hình thức phân phối lại nào đó về khả năng tiếp cận dịch vụ, tài sản hoặc ảnh hưởng chính trị có thể làm tăng hiệu quả kinh tế.

Hệ nguyên nhân thứ hai giải thích vì sao công bằng và thịnh vượng trong dài hạn có thể bổ sung cho nhau được xuất phát từ một thực tế là sự bất bình đẳng cao độ về kinh tế và chính trị có xu hướng dẫn đến việc những thể chế kinh tế và cách tổ chức xã hội không công bằng với tất cả mọi người. Xã hội nói chung sẽ có xu hướng kém hiệu quả đi do bỏ lỡ các cơ hội sáng tạo và đầu tư. Xét trên phạm vi toàn cầu, khi các nước đang phát triển không có hoặc có rất ít tiếng nói trong việc quản lý và điều

hành toàn cầu thì các quy chế đặt ra sẽ trở nên không phù hợp hoặc quá thiết thời cho các nước nghèo.

Những tác động bất lợi của việc phân phối cơ hội và quyền lực chính trị bất bình đẳng đến phát triển càng trở nên tai hại hơn vì sự bất bình đẳng kinh tế, chính trị và xã hội có xu hướng tự tái diễn qua thời gian và các thế hệ. Các tác giả gọi hiện tượng này là “cái bẫy bất bình đẳng”. Trẻ em thiệt thòi sinh ra trong các gia đình nằm ở đáy phân phối của cải không có cơ hội ngang bằng với trẻ em trong các gia đình giàu có để được hưởng nền giáo dục có chất lượng cao. Vì thế, có thể thấy những trẻ em thiệt thòi này sẽ kiếm được ít thu nhập hơn khi chúng trưởng thành. Vì người nghèo có ít tiếng nói hơn trong quá trình chính trị nên cũng như cha mẹ họ - họ ít có khả năng ảnh hưởng đến các quyết định chi tiêu để cải thiện trường công dành cho con em họ. Và cái vòng luẩn quẩn của sự lãng phí năng lực đó lại tiếp tục.

Phần I - Bất bình đẳng trong từng nước và giữa các nước

Xem xét sự bất bình đẳng từ các khía cạnh: sức khỏe, giáo dục, kinh tế, mối quan hệ giữa sự khác biệt giữa các nhóm và sự bất bình đẳng, bất bình đẳng về quyền lực và bẫy bất bình đẳng đối với phụ nữ, các tác giả cho rằng, *bất bình đẳng trong nội bộ từng nước rất đa diện* và lượng hóa trực tiếp sự bất bình đẳng về cơ hội là rất khó khăn. Do vậy, các tác giả đã quy về các yếu tố:

- Hoàn cảnh định trước, nằm ngoài khả năng kiểm soát của cá nhân: đó là

màu da, nơi sinh, học vấn và nghề nghiệp của cha mẹ khi sinh con và của việc sống cùng nhau.

- Các yếu tố khác.

Tuy nhiên, thực tế cho thấy, những yếu tố định trước (không có liên quan gì đến mặt đạo đức) lại quyết định nhiều điều, không chỉ dừng lại ở thu nhập trong tương lai. Giáo dục và sức khỏe là những giá trị nội thân và có ảnh hưởng đến năng lực của cá nhân để tham gia vào đời sống kinh tế, xã hội và chính trị. Nhưng trẻ em trong hầu hết các nhóm dân cư lại đứng trước những cơ hội rất khác nhau về học tập và cuộc sống khỏe mạnh, tùy thuộc vào việc sở hữu tài sản, địa bàn địa lý, học vấn của cha mẹ,...

Sự khác biệt lớn về giới tồn tại ở nhiều nơi trên thế giới cũng được các tác giả lưu ý. Ở nhiều nơi thuộc các nước Đông và Nam Á, nhất là ở một số vùng nông thôn của Trung Quốc và tây bắc Ấn Độ, bản thân cơ hội cuộc sống lại phụ thuộc duy nhất vào một đặc điểm định trước, đó là giới. Những vùng này có số em trai nhiều hơn số em gái, một phần là do tình trạng nạo phá thai do thiên vị giới và việc chăm sóc trẻ có sự phân biệt sau khi sinh. Và ở nhiều nơi khác (tuy không khái quát cả) trên thế giới, số em trai được đi học nhiều hơn số em gái. Hàng trăm triệu trẻ khuyết tật ở các nước đang phát triển chỉ được dành cho những cơ hội nhỏ bé so với những đứa trẻ lành lặn khác.

Những sự bất bình đẳng này thường liên quan đến sự khác biệt “khả năng tác động” của mỗi cá nhân khả năng đã định về mặt kinh tế xã hội, văn hóa và chính trị trong việc định dạng thế giới

xung quanh cá nhân đó.

Bất bình đẳng về cơ hội cũng được truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác. Các tác giả dẫn ra một thí dụ: ở Ecuador, trẻ em ba tuổi từ tất cả các nhóm kinh tế xã hội đều có kết quả kiểm tra nhận biết từ vựng như nhau và rất sát với nhóm dân số tham chiếu chuẩn quốc tế. Nhưng khi chúng lên 5, tất cả đều thua kém so với nhóm dân số tham chiếu quốc tế, trừ những đứa trẻ thuộc nhóm giàu nhất có cha mẹ với trình độ học vấn cao nhất.

Điều này xuất hiện ở cả những nước giàu: những bằng chứng mới ở Mỹ (nơi mà giấc mơ về cơ hội bình đẳng rất mạnh) cho thấy, xu hướng giữ nguyên địa vị kinh tế xã hội giữa các thế hệ rất dai dẳng: những ước lượng gần đây chứng tỏ phải mất đến năm thế hệ để một gia đình có mức thu nhập bằng một nửa mức thu nhập trung bình của quốc gia vươn lên mức trung bình đó. Tính chất này đặc biệt thấy rõ trong các gia đình người Mỹ gốc Phi thu nhập thấp.

Đề cập đến sự bất bình đẳng trên toàn cầu, các tác giả đi tìm câu trả lời cho hai câu hỏi. Thứ nhất, quốc gia nơi một cá nhân sinh ra quyết định đến mức độ nào cơ hội cuộc sống của người dân. Thứ hai, liệu quốc gia nơi một cá nhân sinh ra có mang đến những cơ hội cuộc sống hiện tại ít hơn so với những năm tháng quá khứ xa xôi hay gần đây hay không? Các tác giả đã xem xét đến sự bất bình đẳng về sức khỏe, giáo dục, thu nhập và quyền lực trên phạm vi toàn cầu. Sự phân tích đã đem đến một kết quả đáng kinh ngạc, cho dù đã có

những cải thiện nhất định trong thời gian qua nhưng *tình trạng bất bình đẳng trên toàn cầu rất nghiêm trọng*. Một trong những khác biệt đầu tiên được kể tới chính là cơ hội được sống: cứ 1.000 đứa trẻ sinh ra thì ở Mỹ có 7 trẻ chết trước khi đầy năm trong khi có đến 126 trẻ Mali chết trước khi tròn 1 tuổi. Những đứa trẻ sống sót, không chỉ riêng Mali mà còn ở phần lớn các nước châu Phi và nước nghèo khác ở châu Á và Mỹ Latin, đều đứng trước nguy cơ thiếu dinh dưỡng nghiêm trọng hơn so với các bạn chúng ở các nước giàu. Đi cùng với nguy cơ đó là việc phải bỏ học sớm vì chất lượng học đường, thiếu dinh dưỡng và thu nhập của gia đình mà một đứa trẻ trung bình sinh ra trong giai đoạn từ 1975 đến 1979 ở châu Phi Sahara chỉ có 5,4 năm đi học. Ở Nam Á, con số này tăng lên 6,3 năm; còn ở các nước OECD, con số đó là 13,4 năm.

Với những khác biệt như vậy về học vấn và sức khỏe, lại còn bị trầm trọng thêm do sự chênh lệch lớn về khả năng tiếp cận cơ sở hạ tầng và các dịch vụ công khác, cơ hội tiêu dùng các hàng hóa tư nhân giữa các nước giàu và nước nghèo khác nhau rất nhiều. Xu hướng bất bình đẳng toàn cầu cũng rất đa dạng. Từ năm 1960 đến 1980, có sự giảm đi rõ rệt trong mức độ bất bình đẳng về tuổi thọ bình quân ở các nước, chủ yếu là nhờ tuổi thọ bình quân ở các nước nghèo nhất trên thế giới đã tăng mạnh. Tuy nhiên, từ năm 1990, đại dịch HIV/AIDS (lan tràn mạnh ở nhiều nước châu Phi) và sự gia tăng tỉ lệ tử vong ở các nền kinh tế chuyển đổi (chủ yếu là Đông Âu và Trung Á) đã kéo lùi một phần thành tích trước đây.

Phần II - Tại sao công bằng lại có ý nghĩa quan trọng

Trong 3 chương của phần II, các tác giả đề cập đến vấn đề: công bằng và phúc lợi; bất bình đẳng và đầu tư; công bằng, thể chế và quá trình phát triển với trọng tâm là câu hỏi: liệu chính sách phát triển tốt có nên quan tâm đến vấn đề công bằng không. Công bằng - như đã được đề cập, không đồng nghĩa với bất bình đẳng về thu nhập, tình trạng sức khỏe hay bất kỳ một kết cục cụ thể nào khác. Cần phải tìm cách tạo ra một tình trạng trong đó, nỗ lực, sở thích và sáng kiến của cá nhân chứ không phải hoàn cảnh gia đình, đẳng cấp, màu da hay giới tính - sẽ quyết định sự khác biệt về thành quả kinh tế của mọi người. Tình trạng này cũng tập trung trong đó mọi thể chế trung lập và các thể chế phi thị trường đều nhạy bén như nhau trước người giàu và người nghèo khi mà quyền cá nhân và quyền về tài sản đều có hiệu lực thực thi như nhau với tất cả mọi người. Và hơn thế nữa, tất cả đều có khả năng tiếp cận dịch vụ công, cơ sở hạ tầng để nâng cao nhận thức và cơ hội thành công của họ trên thị trường.

Xem xét các bằng chứng từ nhiều chuyên ngành như kinh tế học, lịch sử, xã hội học, nhân chủng học, các tác giả nhận xét, nhìn chung các kết quả đều cho thấy việc theo đuổi sự thịnh vượng dài hạn và bền vững không thể tách rời khỏi việc mở rộng cơ hội kinh tế và tiếng nói chính trị cho đại bộ phận hoặc toàn thể xã hội. Hệ nguyên nhân gây ra điều này xuất phát từ những thất bại trên thị trường vốn, đất đai và lao động. Những thất bại này có nghĩa rằng, cơ

hội sản xuất không nhất thiết sẽ dành cho những ai có hiệu suất tiềm năng cao nhất từ việc khai thác tài năng hoặc ý tưởng của mình mà thay vì thế, sẽ dành cho những ai có nhiều của cải, nhiều mối quan hệ hơn và có nhiều đất đai hơn. Các tác giả khẳng định, *với các thị trường không hoàn hảo, sự bất bình đẳng về quyền lực và của cải sẽ chuyển thành những cơ hội không công bằng, dẫn đến sự lãng phí tiềm năng sản xuất và phân bổ nguồn lực phi hiệu quả.*

Về vấn đề công bằng và phúc lợi, từ các bằng chứng là các số liệu từ các cuộc thăm dò ý kiến, các điều tra về phúc lợi theo đánh giá chủ quan, các tác giả đã cho thấy rằng, sự bất bình đẳng cao độ về thu nhập có liên quan đến mức phúc lợi tổng thể thấp theo đánh giá chủ quan. Mối liên hệ thực nghiệm giữa bất bình đẳng thu nhập và giảm nghèo đã củng cố cho mối liên hệ về nhận thức giữa việc không chấp nhận bất bình đẳng với việc tìm cách tránh sự bần cùng tuyệt đối. Các tác giả nhấn mạnh đến một vấn đề là, nếu bất bình đẳng giảm trong một thời kỳ tăng trưởng thì đối nghèo nói chung sẽ giảm nhiều hơn so với khi bất bình đẳng không thay đổi. Và do vậy, rõ ràng là mức độ bất bình đẳng cao khiến cho việc xóa đói giảm nghèo càng thêm khó khăn.

Vấn đề này, theo các tác giả cũng liên quan đến sự bất bình đẳng và đầu tư, thể hiện ở bốn điểm quan trọng sau:

Thứ nhất, thị trường ở các nước đang phát triển chưa hoàn hảo và những ai không có đủ mức của cải hoặc không có địa vị xã hội thường có mức

đầu tư thấp. Nguồn lực không được sử dụng hết do tình trạng đầu tư thấp này rốt cuộc sẽ được dùng cho một mục đích nào đó không hiệu quả, do đó làm giảm năng suất chung.

Thứ hai, điều đó cũng hàm ý một sự thiên lệch có lợi cho những hình thức phân phối lại định hướng vào việc thiếu nguồn lực hoặc thiếu ảnh hưởng nhất định, gây ra sự phi hiệu quả. Trong một số tình huống, điều này có nghĩa là phải phân phối lại khả năng tiếp cận vốn, có thể bằng cách thúc đẩy tín dụng nhỏ, tăng cường quyền của phụ nữ về đất đai, hoặc khả năng tiếp cận của họ đến việc làm và các chương trình phúc lợi, thiết kế các chương trình hành động chống kỳ thị để giảm dần sự định kiến và cải thiện khả năng tiếp cận hệ thống tư pháp.

Thứ ba, vì đầu tư tạo ra của cải và của cải khiến đầu tư dễ dàng hơn trong điều kiện các thị trường vận hành hoàn hảo, nên chỉ cần một sự trợ giúp nhỏ cũng có tác dụng rất lớn.

Thứ tư, việc đối tượng hưởng lợi của hình thức phân phối lại nâng cao tính hiệu quả này có phải là những người nghèo nhất hay không vẫn còn là một điều chưa rõ ràng. Vì lý tưởng nhất là phải thúc đẩy được các hoạt động đầu tư hiệu quả nên mục tiêu phải nhằm vào những người có nhiều khả năng nhất trong việc tiến hành những hoạt động đầu tư như vậy.

Bản Báo cáo cũng nhấn mạnh rằng, *bất bình đẳng kinh tế và chính trị có liên quan đến sự phát triển thể chế yếu kém*. Kênh thứ hai mà qua đó, sự bất bình đẳng có ảnh hưởng đến quá trình phát triển dài hạn là việc định hình các

thể chế kinh tế và chính trị. Thể chế quyết định động cơ và những rào cản mà con người gặp phải, và tạo ra bối cảnh để thị trường vận hành. Các hệ thống thể chế khác nhau là kết quả của một quá trình lịch sử phức tạp, phản ánh lợi ích và cơ cấu ảnh hưởng chính trị của các cá nhân và nhóm người khác nhau trong xã hội. Từ khía cạnh này, sự không hoàn hảo của thị trường có thể nảy sinh, không phải tình cờ mà là do chúng phân phối thu nhập hoặc quyền lực theo những cách thức nhất định. Theo quan điểm này, sẽ có những xung đột xã hội xung quanh các thể chế của xã hội và động cơ để những người kiểm soát quyền lực định hình các thể chế theo hướng có lợi cho họ.

Các tác giả đưa ra lập luận rằng, quyền lực không đồng đều sẽ dẫn đến sự hình thành các thể chế kéo dài mãi sự bất bình đẳng về quyền lực, địa vị và của cải- và những thể chế đó cũng rất có hại cho đầu tư, sáng tạo và việc dám chấp nhận rủi ro - vốn là những trụ cột làm giá đỡ cho tăng trưởng dài hạn. Các thể chế kinh tế tốt cũng công bằng theo một cách rất cơ bản: để thịnh vượng, xã hội cần tạo động lực để khuyến khích đa số người dân đầu tư và sáng tạo. Nhưng một hệ thống các thể chế kinh tế công bằng như vậy chỉ có thể xuất hiện khi việc phân chia quyền lực không quá bất bình đẳng, và phải có những ràng buộc để hạn chế việc nhà cầm quyền thao túng quyền lực. Các số liệu liên quốc gia cơ bản và các tài liệu mô tả trong quá khứ mà các tác giả có được đã cho thấy có sự hậu thuẫn quan điểm cho rằng sở dĩ các nước đang hướng thể chế của mình vào việc thúc đẩy sự thịnh vượng vững chắc làm

được điều đó là do họ đã làm cho mối tương quan giữa ảnh hưởng chính trị và quyền lực trở nên công bằng hơn.

Phần III - Tạo sân chơi bình đẳng về kinh tế và chính trị

Như đã trình bày ở trên, một phần sự bất bình đẳng kinh tế và chính trị đang diễn ra trên thế giới hiện nay là do cơ hội bất bình đẳng. Sự bất bình đẳng này là rất đáng lên án, xét cả về tính chất nội hàm và tính chất phương tiện của nó. Nó góp phần gây ra sự phi hiệu quả kinh tế, những xung đột chính trị và sự yếu kém về thể chế.

Trong phần này, các tác giả đã xem xét trên ba lĩnh vực. Lĩnh vực thứ nhất là xây dựng và bảo vệ năng lực con người của người dân - từ khi bắt đầu cuộc đời một con người, qua suốt giai đoạn trưởng thành cho đến lúc họ về già. Ở đây, các tác giả chú trọng đến việc cân bằng từ dưới lên - cân bằng cơ hội của những đối tượng yếu thế nhất, xét về mặt kỹ năng, sức khỏe và quản lý rủi ro.

Lĩnh vực thứ hai là đảm bảo sự tiếp cận công bằng đến công lý và các tài sản bổ sung. Hệ thống tư pháp công minh và có khả năng tiếp cận được là điều sống còn để hạn chế quyền lực của các tầng lớp đặc lợi chính trị và kinh tế, tránh phân biệt đối xử, và đảm bảo an toàn cá nhân cho tất cả mọi người với những ý nghĩa quan trọng đối với mức độ sẵn sàng đầu tư và sáng tạo. Sự tiếp cận bất công đến đất đai và cơ sở hạ tầng - theo mức của cải, địa điểm hoặc nhóm xã hội - là thực tế điển hình của các xã hội tại các nước đang phát triển. Việc thiết kế chính sách có thể giúp chuyển sang các hình thái công bằng và

hiệu quả hơn.

Lĩnh vực thứ ba là mảng thị trường tài chính, lao động và sản phẩm có ảnh hưởng mạnh mẽ đến lợi tức trên quỹ nguồn lực của người dân. Trong những lĩnh vực này và nhất là trong trường hợp của tài chính, vấn đề là phải bình đẳng hóa từ trên xuống, bằng cách giảm bớt việc bảo vệ quyền lợi của người đương chức.

Các tác giả cho rằng, một lăng kính công bằng sẽ củng cố công cuộc giảm nghèo. Khi xã hội trở nên công bằng hơn theo cách tạo ra nhiều cơ hội hơn cho tất cả mọi người, thì người nghèo sẽ được hưởng "lợi kép". Thứ nhất, cơ hội được mở rộng sẽ làm lợi trực tiếp cho người nghèo, vì họ được tham gia đầy đủ hơn vào quá trình phát triển. Thứ hai, bản thân quá trình phát triển sẽ thành công và vững chắc hơn khi tăng cường sự công bằng lại tạo ra những thể chế tốt hơn, việc quản lý xung đột hữu hiệu hơn, và tất cả các nguồn lực tiềm năng của xã hội, kể cả nguồn lực của người nghèo, được sử dụng hiệu quả hơn. Từ đó, sự gia tăng tốc độ tăng trưởng kinh tế tại các nước nghèo, đến lượt mình, sẽ góp phần thu hẹp bất bình đẳng trên toàn cầu.

Lăng kính công bằng mới này sẽ đưa đến ba triển vọng mới cho quá trình hoạch định chính sách về phát triển. Đó là:

- *Thứ nhất, các chính sách giảm nghèo tốt nhất có thể bao hàm cả việc phân phối lại sự ảnh hưởng lợi thế hoặc trợ cấp theo hướng tước bớt của các*

nhóm đang chi phối. Việc phân phối của cải quá bất bình đẳng gắn với việc thu tóm quá mức quyền lực chính trị có thể ngăn cản không cho phép các thể chế có thể tăng cường quyền cá nhân và quyền sở hữu tài sản trên diện rộng, và dẫn đến việc cung cấp dịch vụ và sự vận hành của thị trường rất thiên lệch. Điều này khó lòng có thể thay đổi được trừ phi tiếng nói, sự ảnh hưởng và nguồn lực công được chuyển ra khỏi nhóm chi phối để đến được với những người có ít cơ hội hơn.

- Thứ hai, trong khi phân phối lại (về quyền lực hoặc khả năng tiếp cận các khoản chi tiêu của chính phủ và thị trường) cải thiện tính công bằng cũng như làm tăng tính hiệu quả thì cũng cần *đánh giá những đánh đổi có thể xảy ra khi thiết kế chính sách.* Một thí dụ dễ thấy là nếu chi tiêu nhiều hơn vào trường học dành cho trẻ em đẳng cấp thấp có nghĩa là, xét về lâu dài, sự định kiến trong xã hội sẽ giảm, và những người được hưởng sẽ có thành tích hoạt động cao hơn, bổ sung thêm vào những lợi ích cụ thể nhờ việc mở rộng giáo dục ngày hôm nay thì những lợi ích đó không nên bị bỏ qua.

- Thứ ba, việc coi chính sách tăng trưởng và chính sách nhằm cụ thể vào công bằng là hai hệ chính sách đối lập nhau là *hoàn toàn sai lầm.* Sự phân phối cơ hội và quá trình tăng trưởng được quyết định cùng nhau. Chính sách

nào tác động đến mặt này thì cũng sẽ ảnh hưởng đến mặt kia. Điều đó không có nghĩa là mỗi chính sách cần tính đến sự công bằng một cách riêng lẻ.

Để kết luận bản Báo cáo, các tác giả khẳng định, việc đặt công bằng ở trung tâm của sự phát triển được dựa trên và gắn liền với trọng tâm mới trong tư duy phát triển của 10 đến 20 năm gần đây về thị trường, phát triển con người, quản lý và điều hành, và trao quyền. Trong những năm gần đây, vấn đề công bằng đã trở thành trọng tâm của cả Báo cáo Phát triển Thế giới của WB lẫn Báo cáo Phát triển Con người của UNDP. Lời kêu gọi vì một sân chơi bình đẳng hơn là cách lồng ghép hai trụ cột kép của WB về xây dựng môi trường thể chế có lợi cho đầu tư và trao quyền cho người nghèo. Bằng cách đảm bảo rằng các thể chế này sẽ củng cố quyền cá nhân, chính trị và sở hữu tài sản của tất cả mọi người, kể cả những đối tượng hiện đang bị loại trừ, các nước có thể thu hút được số lượng lớn hơn nhiều các nhà đầu tư và sáng chế, và sẽ hữu hiệu hơn nhiều trong việc cung ứng dịch vụ cho tất cả công dân. Xét về dài hạn, tăng trưởng công bằng có thể củng cố và thúc đẩy tăng trưởng nhanh hơn. Tăng trưởng và phát triển con người nhanh hơn ở các nước nghèo là điều thiết yếu để giảm sự bất công toàn cầu và đạt được Mục tiêu Phát triển Thiên niên kỷ.